TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỒNG XUÂN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HSST
Ngày 02/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: *Ông* Trần Vĩnh Long.

Các Hội thẩm nhân dân: *Ông* Trần Ngọc Anh.
Bà Nguyễn Thị Kiều Linh.

- ***Thư ký phiên tòa***: *Bà* Nguyễn Thị Trúc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

- ***Đại diện VKSND huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà***: *Ông* Bùi Văn Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên mở phiên toà trực tuyến công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 03/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lê Ngọc S - Sinh năm: 2000 tại huyện T, tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn D, xã E, huyện T, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông: Lê Đình Q – sinh năm 1979 và bà: Nguyễn Thị U - sinh năm: 1982; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án:

- Ngày 26/4/2019, bị TAND huyện T xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Ngày 28/11/2019, bị TAND huyện T xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản, theo quy định tại điểm d, g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp với hình phạt 09 tháng tù tại Bản án số 08/2019/HSST ngày 26/4/2019 của TAND huyện T buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 04 năm 03 tháng tù (chấp hành xong ngày 14/8/2022).

Nhân thân: Ngày 29/8/2017, bị TAND huyện T xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Ngày 16/5/2016, bị Công an thị trấn Y, huyện T xử phạt vi phạm hành chính với hình thức cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 27/01/2017, bị Công an xã E, huyện T xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 500.000đ về hành vi đánh bạc.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/10/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện X. Bị cáo có mặt ở điểm cầu thành phần Nhà tạm giữ Công an huyện X.

2. Nguyễn Thành N - Sinh năm: 1999 tại huyện T, tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn P, xã An Nghiệp, huyện T, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông: Nguyễn Văn H – sinh năm 1970 và bà: Nguyễn Thị Minh A - sinh năm: 1972; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/10/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện X. Bị cáo có mặt ở điểm cầu thành phần Nhà tạm giữ Công an huyện X.

3. Nguyễn Đăng G - Sinh năm: 1994 tại huyện P1, tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Khu phố T1, thị trấn P1, huyện P1, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Nguyễn Kim Q1 - sinh năm 1964 và bà: Lê Thị C - sinh năm: 1966; Vợ: Trần Thị U1 – Sinh năm 1998; Có 01 con sinh năm 2000; Tiền sự: Không; Tiền án:

- Ngày 06/9/2013, bị TAND huyện P1 xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (chấp hành xong ngày 16/01/2014).

- Ngày 28/8/2014, bị TAND huyện P1 xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (chấp hành xong ngày 25/9/2015).

- Ngày 27/12/2016, bị TAND huyện K xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Ngày 04/01/2017, bị TAND huyện K1 xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Ngày 11/7/2017, bị TAND TP. M xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tổng hợp với hình phạt 02 năm tù tại Bản án số 54/2016/HSST ngày 27/12/2016 của TAND huyện K và 02 năm tù tại Bản án số 03/2017/HSST ngày 04/01/2017 của TAND huyện K1, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 03 bản án là 06 năm 06 tháng tù (chấp hành xong ngày 24/9/2021).

Bị cáo Nguyễn Đăng G bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/10/2022 - Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

* Người bị hại: Bà BH – Sinh năm: 1964; Trú tại: Thôn D1, xã X3, huyện X, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Thị U – Sinh năm: 1982; Trú tại: Thôn D, xã E, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2/ NLQ2 – Sinh năm: 1997; Trú tại: Khu phố P2, thị trấn P1, huyện P1, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3/ NLQ3 – Sinh năm: 1999; Trú tại: Kp P3, thị trấn Y, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

4/ NLQ4 – Sinh năm: 1991; Trú tại: Khu phố P2, thị trấn P1, huyện P1, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 05/10/2022, Lê Ngọc S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 78x1-xxx.11 (xe do bà Nguyễn Thị U, mẹ ruột S đứng tên chủ sở hữu) chở Nguyễn Thành N đến nhà của S tại thôn D, xã E, huyện T, tỉnh Phú Yên chơi. Tại đây, S rủ N đi trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân, N đồng ý. Khoảng 14 giờ cùng ngày, S tiếp tục điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 78x1-xxx.11 chở N đến huyện X. Khi đi đến thôn D1, xã X3, huyện X, tỉnh Phú Yên, S và N nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu xanh-đen-bạc, biển kiểm soát 78x2-xxx.31

của bà BH, sinh năm: 1964, trú tại thôn D1, xã X3, huyện X, tỉnh Phú Yên đang dựng bên lề đường, trên xe có sẵn chìa khoá, bên trong cốp xe có 01 cái cà lê 10-14, 01 cái tuýt mở bugi, quan sát thấy không có người trông coi, N đi đến lấy trộm chiếc xe mô tô của bà BH rồi cùng S tẩu thoát. Trên đường tẩu thoát đến khu vực thôn D2, xã X4, huyện X, tỉnh Phú Yên, N tháo biển kiểm soát xe mô tô 78x2-xxx.31 vứt ở lề đường, còn S lúc này dùng điện thoại di động gọi cho Nguyễn Đăng G để thỏa thuận việc mua bán xe vừa trộm cắp được. Khoảng 15 giờ cùng ngày, G nhờ NLQ2, sinh năm: 1997, trú tại khu phố P2, thị trấn P1, huyện P1, tỉnh Phú Yên chở đến khu vực P4 thuộc xã P5, huyện P1, tỉnh Phú Yên để gặp S và N. Tại đây, G thoả thuận mua xe mô tô mà S và N vừa trộm cắp được với số tiền 1.000.000 đồng và hẹn ngày hôm sau sẽ đưa tiền. Đến ngày 06/10/2022, S đến gặp G để lấy tiền bán xe, sau đó cùng với N mua bia, đồ ăn để nhậu với NLQ3, sinh năm: 1999, trú tại khu phố P3, thị trấn Y, huyện T, tỉnh Phú Yên hết số tiền 480.000 đồng, còn lại 520.000 đồng, S và N chia nhau mỗi người 260.000 đồng. Sau khi mua xe mô tô, để tránh bị phát hiện G dùng búa, đục, máy mài phá hỏng số khung, số máy đồng thời tháo 02 gương chiếu hậu của xe mô tô 78x2-xxx.31 rồi đưa cho NLQ4, sinh năm: 1991, trú tại khu phố P2, thị trấn P1, huyện P1, tỉnh Phú Yên mượn sử dụng. Kết quả điều tra, Lê Ngọc S, Nguyễn Thành N và Nguyễn Đăng G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Kết luận định giá tài sản số 32/KL-ĐGTSHS ngày 10/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự huyện X kết luận: Giá trị của xe mô tô biển kiểm soát 78x2-xxx.31 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 19.800.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 45/KL-ĐGTTHS ngày 06/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố Tụng Hình sự huyện X kết luận: Giá trị của 01 cái cà lê 10-14 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 20.000 đồng; 01 cái tuýt mở bugi là 38.000 đồng. Đối với bề mặt kim loại của số khung, số máy xe mô tô biển kiểm soát 78x2-xxx.31 bị đục, mài dũa không thể xác định được giá trị thiệt hại do không có cơ sở định giá.

Tại Kết luận giám định số 401/KL-KTHS ngày 24/10/2022 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Phú Yên kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu xanh-đen-bạc, trên bề mặt kim loại vị trí đóng số khung bị mài dũa, tẩy xóa, không thấy hàng chữ số. Qua giám định thấy hiện lên hàng chữ số nguyên thủy đọc được đầy đủ là: RLHJAXXXXNYXXXXXX. Bề mặt ô kim loại đóng số máy bị đục khoét mài dũa tẩy xóa, lồi lõm kim loại nham nhở, không thấy hàng chữ số. Qua giám định thấy hiện lên hàng chữ số nguyên thủy đọc được đầy đủ là: J….2.xxxxx.

Tại bản cáo trạng số: 06/CT-VKSĐX ngày 16/01/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Phú Yên truy tố các bị cáo Lê Ngọc S, Nguyễn Thành N về tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Truy tố bị cáo Nguyễn Đăng G về tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 BLHS.

Kiểm sát viên luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng. Kết luận các bị cáo Lê Ngọc S, Nguyễn Thành N phạm tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Nguyễn Đăng G phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Đề nghị HĐXX xem xét:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo Lê Ngọc S, xử phạt: Lê Ngọc S từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 9/10/2022. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Thành N, xử phạt: Nguyễn Thành N từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 09/10/2022. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Đăng G, xử phạt: Nguyễn Đăng G từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, các bị cáo đã bồi thường cho người bị hại theo yêu cầu. Tại phiên tòa, người bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm khoản nào khác, nên đề nghị HĐXX không xét giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 cái búa dài 28 cm, 01 cái đục bằng kim loại màu nâu đen, 01 cái mũ bảo hiểm màu xám, 01 mũ bảo hiểm màu xanh nhạt, 01 cái quần, 01 cái áo.

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động màu trắng đen hiệu Nokia, 01 điện thoại di động hiệu OPPO, 01 điện thoại di động hiệu SamSung, 01 cái máy khoan điện cầm tay; số tiền 1.000.000đ thu lợi bất chính từ việc bán xe trộm cắp.

+ Trả lại cho Lê Ngọc S: 01 chứng minh nhân dân số 221504754.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai phù hợp với nội dung bản Cáo trạng. Các bị cáo xin Tòa xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo cơ hội sửa chữa lỗi lầm làm người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng xét thấy họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292, 293 BLTTHS.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm phạm tội và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 05/10/2022, tại thôn D1, xã X3, huyện X, tỉnh Phú Yên, Lê Ngọc S, Nguyễn Thành N đã có hành vi lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu xanh-đen-bạc, biển kiểm soát 78x2-xxx.31, 01 cái cà lê 10-14 và 01 cái tuýt mở bugi của bà BH, sau đó bán cho Nguyễn Đăng G với số tiền 1.000.000 đồng chia nhau tiêu sài cá nhân. Tổng giá trị tài sản mà bị can Lê Ngọc S và Nguyễn Thành N đã chiếm đoạt là 19.858.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Đăng G đã tái phạm nguy hiểm nhưng khoảng 15 giờ ngày 05/10/2022, tại khu vực P4 thuộc xã P5, huyện P1, tỉnh Phú Yên, mặc dù biết rõ xe mô tô biển kiểm soát 78x2-xxx.31 là tài

sản do Lê Ngọc S và Nguyễn Thành N trộm cắp mà có nhưng G vẫn mua với giá 1.000.000 đồng, nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện X truy tố các bị cáo Lê Ngọc S, Nguyễn Thành N về tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS; Truy tố bị cáo Nguyễn Đăng G về tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn công cộng, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân ở địa phương. Do đó, đối với các bị cáo cần phải xét xử với mức án nghiêm khắc, tương xứng với títính chất, mức độ hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo S là người rủ rê, khởi xướng. Xét vai trò, títính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo nhận thấy:

[3.1] Đối với bị cáo Lê Ngọc S: Bị cáo là người có nhân thân xấu, ngoài lần phạm tội này thì trước đó bị cáo đã thực hiện nhiều lần trộm cắp tài sản. Trong vụ án này, bị cáo là người khởi xướng, rủ rê, cảnh giới, điều khiển xe mô tô chở bị cáo N đến huyện X để thực hiện việc trộm cắp, đồng thời là người tìm nơi tiêu thụ tài sản sau khi sau khi trộm cắp được để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Bị cáo hai lần bị TAND huyện T xử phạt tù về Trộm cắp tài sản và Cướp giật tài sản chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, lẽ ra bị cáo phải lấy đó làm bài học để cải tạo bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, điều đó chứng tỏ khả năng tự cải tạo của bị cáo rất kém, nên cần áp dụng một hình phạt tù nghiêm khắc, tương xứng với títính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường số tiền 500.000đ cho người bị hại và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, nên xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt như lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Bị cáo hiện bị tạm giam, không có thu nhập nên xét miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3.2] Đối với bị cáo Nguyễn Thành N: Bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật. Trong vụ án này, bị cáo là người trực tiếp thực hiện việc trộm cắp và điều khiển xe mô tô đã trộm cắp được để tẩu thoát, sau đó cùng với bị cáo S đem bán chiếc xe trộm cắp được để lấy tiền tiêu

xài, nên cũng cần xét xử một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường số tiền 500.000đ cho người bị hại và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt và xử phạt bị cáo ở mức thấp của khung hình phạt cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm như lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Bị cáo hiện bị tạm giam, không có thu nhập nên xét miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3.3] Đối với bị cáo Nguyễn Đăng G: Bị cáo là đối tượng thường xuyên vi phạm pháp luật, ngoài lần phạm tội này thì trước đó bị cáo đã thực hiện nhiều lần trộm cắp tài sản. Trong vụ án này, bị cáo mặc dù biết rõ xe mô tô mà các bị cáo S, N đem bán là do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua với số tiền 1.000.000đ. Sau khi mua xe mô tô, bị cáo đã phá hỏng số khung số máy nhằm che giấu hành vi vi phạm pháp luật của mình. Lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, lẽ ra bị cáo phải lấy những lần bị xét xử trước làm bài học để cải tạo bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, điều đó chứng tỏ khả năng tự cải tạo của bị cáo rất kém, nên cần áp dụng một hình phạt tù nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường số tiền 500.000đ cho người bị hại và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo có cha ruột là người có công với cách mạng, được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang, nên xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt và xử phạt bị cáo ở mức thấp của khung hình phạt cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm như lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Bị cáo hiện đang nuôi con nhỏ, không có thu nhập ổn định nên xét miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Đối với những người liên quan:

- Đối với bà Nguyễn Thị U: Không biết việc bị can Lê Ngọc S sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 78x1-xxx.11 làm phương tiện để thực hiện việc trộm cắp tài sản nên không xem xét xử lý.

- Đối với NLQ2: Không biết việc bị can Nguyễn Đăng G nhờ chở đi gặp bị can Lê Ngọc S và Nguyễn Thành N là để mua xe mô tô trộm cắp nên không xem xét xử lý.

- Đối với NLQ4: Khi được bị can Nguyễn Đăng G cho mượn xe mô tô, không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý.

- Đối với NLQ3: Không biết việc bị can Lê Ngọc S và Nguyễn Thành N có hành vi trộm cắp tài sản nên không xem xét xử lý.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, các bị cáo đã bồi thường cho người bị hại theo yêu cầu. Tại phiên tòa, người bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm khoản nào khác, nên HĐXX không xét giải quyết.

[6] Về vật chứng vụ án: 01 cái búa dài 28 cm, 01 cái đục bằng kim loại màu nâu đen, 01 cái mũ bảo hiểm màu xám, 01 mũ bảo hiểm màu xanh nhạt, 01 cái quần, 01 cái áo là những công cụ phạm tội và vật không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. 01 điện thoại di động màu trắng đen hiệu Nokia, 01 điện thoại di động hiệu OPPO, 01 điện thoại di động hiệu San Sung, 01 cái máy khoan điện cầm tay và số tiền 1.000.000đ là công cụ, phương tiện phạm tội và tiền thu lợi bất chính nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. 01 chứng minh nhân dân số 221504754 là giấy tờ tùy thân của bị cáo S, không dùng vào việc phạm tội nên xét trả lại cho bị cáo S.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Lê Ngọc S, Nguyễn Thành N phạm tội: "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Nguyễn Đăng G phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo Lê Ngọc S. Xử phạt bị cáo Lê Ngọc S 01 (một) năm tù, thời hạn tù Nh từ ngày tạm giữ, tạm giam 9/10/2022.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Thành N. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 9/10/2022.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Đăng G. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng G 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Lê Ngọc S, Nguyễn Thành N, Nguyễn Đăng G.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 cái búa dài 28 cm, 01 cái đục bằng kim loại màu nâu đen, 01 cái mũ bảo hiểm màu xám, 01 mũ bảo hiểm màu xanh nhạt, 01 cái quần, 01 cái áo.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động màu trắng đen hiệu Nokia, 01 điện thoại di động hiệu OPPO, 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung, 01 cái máy khoan điện cầm tay và số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng).

- Trả lại cho Lê Ngọc S: 01 chứng minh nhân dân số 221504754.

(Số tiền theo Ủy nhiệm chi số 02 ngày 18/01/2023 do Công an huyện X nộp vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X. Các vật chứng có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/01/2023 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện X và Chi cục THADS huyện X).

* Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Lê Ngọc S, Nguyễn Thành N, Nguyễn Đăng G mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

* Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện X;
- Công an huyện X;
- CC THADS huyện X;
- Những người tham gia tố tụng;

Trần Vĩnh Long